

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HSST
Ngày: 27-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Văn Đến.

2/ Ông Huỳnh Ngọc Song.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huê, Thư ký – Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Liệt, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-TA ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Nguyễn Phúc V, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2002; Nơi cư trú: số 008, ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên cha Lê Nguyễn Phúc H, sinh năm 1968 và mẹ Lê Thị T, sinh năm: 1974; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 19/7/2020 đến 22/7/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Phúc V:** Ông Tăng Quốc T – Luật sư, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trần Trọng thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- **Bị hại:** Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Láng Khoét, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1965. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Lê Minh S, sinh năm 1969. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Xóm Mới, xã Mỹ Hòa, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3/ Bà Dương Thị Q, sinh năm 1978. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Bành Văn N, sinh năm 1956. (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1983. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Láng Khoét, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 15/7/2020, Lê Nguyễn Phúc V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C2 – 539.04, loại xe Exciter, màu bạc đen từ nhà bạn gái là Thạch Thị Mỹ D từ tỉnh Sóc Trăng về nhà ở huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, V chạy xe ngang quán nước của Nguyễn Ngọc T ngụ tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thấy quán vắng người. V đang cần tiền để cưới vợ nên nảy sinh ý định vào quán cướp tài sản. Lúc này, V đã chạy khỏi quán nước của T khoảng 1 km nên V điều khiển xe quay lại và dừng xe trước cửa tiệm thuốc Bình An (tiệm thuốc và quán nước của T cặp nhau). V mang ba lô, đội nón bảo hiểm và đeo khẩu trang màu xanh đi vào quán để mua nước mía. V trả tiền nước cho T là 10.000 đồng và giả vờ hỏi T đi nhờ nhà vệ sinh, mục đích để xem quán còn có ai không. T chỉ nhà vệ sinh phía sau quán, V đi xuống rồi đi lên và nói với T là vòi nước bị hư nhờ T vào sửa. T đi vào nhà vệ sinh, V đi theo phía sau. T mở vòi nước thì vòi nước vẫn chảy bình thường. T khóa vòi nước đi ra thì V lấy cây dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại hình bầu dục dài 18,5 cm, có cạnh sắc bén, mũi dao nhọn, trong ba lô của V ra. V cầm ở tay phải, đóng cửa nhà vệ sinh gài lại, đưa dao về hướng T và nói “mày im, không được lên tiếng”. V hỏi T “có tiền không”, T nói “có”, V hỏi “đâu?”, T lấy trong túi quần ra khoảng 250.000 đồng gồm nhiều tờ tiền lẻ mệnh giá khác nhau đưa cho V. V lấy bỏ vào túi quần đang mặc. V tiếp tục hỏi T còn nữa không thì T nói hết rồi. V dùng tay mò tìm ở túi quần của T nhưng không thấy tiền. Do mò tìm tiền, V đụng vào người T nên nảy sinh ý định quan hệ tình dục với T. V dùng dao cắt áo của T đang mặc từ trên cổ áo xuống đến hết áo rồi cắt nút buột áo sơ mi bên ngoài của T (do T mặc áo

sơ mi bên ngoài không cài nút mà chỉ buộc hai vạt áo lại). Sau đó, V kêu T cởi áo ra bỏ xuống nền nhà vệ sinh và ngồi lên bồn cầu. V cởi nút quần, kéo dây kéo quần của V và đưa dương vật ra ngoài. V cầm dao và kêu T “bú cu tao đi”, T chần chừ một lúc nhưng do V đang cầm dao nên T sợ và dùng tay cầm dương vật của V đưa vào miệng. V đưa dương vật ra vào miệng của T khoảng 1 phút. Lúc này, V thấy tay T có đeo chiếc nhẫn nên kêu T tháo nhẫn ra đưa cho V. T tháo nhẫn ra và làm rơi văng ra bên ngoài nhà vệ sinh, V không lấy được. Khi đó, bên ngoài quán có người ghé mua nước, chị của T là Nguyễn Thị Ngọc A bán tiệm thuốc Bình An cặp quán nước của T qua kêu T bán nước. V kêu T nói “đau bụng đang đi cầu” nhưng T nói với A “bán dùm em đi”. Sau đó, V kêu T đứng dậy, V mở nút quần T ra và kéo quần T xuống ngang gối. V kêu T quay người lại, khum lưng xuống để V đưa dương vật vào âm đạo T từ phía sau nhưng không được vì V sợ nên dương vật không cương cứng. V kêu T ngồi xuống nền nhà vệ sinh và kêu T cởi quần của T ra khỏi chân. V quỳ xuống đưa dương vật vào âm đạo của T nhiều lần nhưng không được do dương vật không cương cứng. Khi đó, bên ngoài chị Ảnh kêu T thì V cầm dao kêu T “im lặng, lên tiếng tao cắt cổ mày”. Chị A đi ra sau quán tìm T và nhìn qua khe cửa nhà vệ sinh thì phát hiện nên đập cửa nhà vệ sinh, V hoảng hốt đứng dậy tìm quần để mặc nhưng chưa kịp mặc thì T lấy tay hắt dao của V ra, đứng dậy mở cửa chạy ra ngoài. Thấy vậy, V cầm dao, không mặc quần, chạy ra ngoài trước quán cầm dao quay lại đưa về phía chị A và T. Chị A và T chạy vào tiệm thuốc của chị A đóng cửa lại trốn. V quay lại nhà vệ sinh lấy quần và ba lô rồi đi vòng ra phía sau quán ném bỏ cây dao rồi ra xe chạy đi, bỏ lại 01 đôi dép màu vàng. Trên đường đi V làm rơi cái quần. Chạy được một đoạn, V ghé vào con hẻm gần nhà ông Bành Văn N, lấy quần trong ba lô mặc vào. Thấy V có biểu hiện nghi vấn nên ông N đến hỏi và kêu V đưa giấy tờ xem thì V đưa cho ông N giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của V, giấy đăng ký xe mô tô và giấy bảo hiểm xe biển số 71C2-539.04. Ông N nói báo Công an, V sợ nên lên xe bỏ chạy để lại giấy tờ và cái khẩu trang màu xanh. Chạy được một đoạn, V đã ném bỏ cái ba lô. Sau đó, ông N đã trình báo sự việc, giao nộp các giấy tờ trên cùng cái khẩu trang màu xanh cho Công an xã Song Lộc. Ngày 16/7/2020, T trình báo sự việc đến cơ quan Công an và yêu cầu xử lý V.

Tại kết luận giám định số 4040/C09B, ngày 21/8/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 nhẫn gửi giám định có thành phần kim loại vàng: 68,00%, khối lượng: 1,6860 gam.

Tại kết luận định giá ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, kết luận: 01 nhẫn có thành phần Vàng (Au) 68%, khối lượng: 1,6860 gam với số tiền là 1.623.056 đồng.

Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cho Lê Nguyễn Phúc V xác định nơi ném bỏ cây dao sau khi thực hiện hành vi và đã thu giữ được cây dao cán bằng gỗ, hai đầu có bao lớp kim loại, chu vi nơi rộng nhất của cán dao là 9,7 cm, chiều dài cán dao 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại hình bầu dục dài 18,5 cm, có cạnh sắc bén, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5 cm, mũi dao nhọn. V xác định đây là cây dao mà V dùng để uy hiếp để lấy tài sản và hiếp dâm chị T. Ông Bành Văn N giao nộp: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe, mang

tên Lê Nguyễn Phúc V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số 71C2 – 539.04 do Phạm Hùng T đứng tên sở hữu; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 0896703 tên Phạm Hùng T; 01 khẩu trang màu xanh. Thu giữ của Lê Nguyễn Phúc V: 01 đôi dép màu vàng, đế dép màu đen, quay dép bằng vải (đây là đôi dép của V bỏ lại tại nhà vệ sinh của quán chị T); 01 quần nam dài, vải kaki, màu đen, có gắn mặt hình chữ nhật màu trắng, có đính chữ D bằng kim loại, màu trắng, có in dòng chữ “FASHION STYE”; 01 xe mô tô biển số 71C2 – 539.04; 01 nón bảo hiểm màu trắng – đen, phía sau nón có in dòng chữ “NON SON”; 01 áo thun thể thao màu vàng xanh, size S, phía trước có in dòng chữ “Coca Cola”, lô gô lá cờ Việt Nam, phía sau áo có in dòng chữ “SU MÔ”, “83” và “Bung Tròn”;

Thu giữ của Nguyễn Ngọc T: 01 áo nữ, vải Von, màu xanh viền đen bị cắt đứt nham nhở phía trước, 01 áo sơ mi nữ, dài tay, màu trắng xanh bị cắt đứt nơi vạt áo, nơi buộc phía trước; 01 quần thun, màu đen, ống dài, người lớn; 01 cái áo thun màu đỏ, loại tay ngắn người lớn; 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng (đây là chiếc nhẫn chị T đeo và V kêu tháo ra đưa cho V). Sau đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T 01 quần thun, màu đen, ống dài; 01 cái áo thun màu đỏ, loại tay ngắn; 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng.

Ngày 19/7/2020, Cơ quan điều tra tiến hành tìm kiếm cái quần và ba lô mà V khai là bị rơi mất trên đường nhưng không tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc T yêu cầu Lê Nguyễn Phúc V bồi thường số tiền 250.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 9.750.000 đồng. Tổng số tiền là 10.000.000 đồng. V đã bồi thường xong.

Tại cáo trạng số: 53/VKS-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Nguyễn Phúc V về các tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Nguyễn Phúc V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị hại Nguyễn Ngọc T trình bày: Về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu xét xử đúng quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: chị không yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Hùng T trình bày: Xe mô tô biển kiểm soát 71C2 – 539.04, loại xe Exciter, màu bạc đen là xe do mẹ bị cáo mua cho bị cáo nhờ ông đứng tên dùm, nên ông yêu cầu trả xe lại cho mẹ bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Minh S trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo tác động mẹ bị cáo bồi thường cho bị hại nhưng mẹ bị cáo không có tiền nên ông đứng ra đưa 10.000.000 đồng cho phía bị hại

Nguyễn Ngọc T. Nay ông không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà V vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Phúc V phạm các tội “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm”; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 141; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Phúc V về tội Hiếp dâm từ 03 đến 04 năm tù, về tội cướp tài sản từ 08 đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Vì còn đề nghị xem xét xử lý vật chứng trong vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Phúc V: Thống nhất với bản cáo trạng và bản luận tội của vị kiểm sát viên. Ý thức của bị cáo mới bước qua tuổi 18 nên suy nghĩ nhất thời. Gia đình bị cáo thuộc gia đình khó khăn, mẹ bị cáo là công nhân một mình nuôi con, còn cha bị cáo đã bỏ mẹ con bị cáo. Bị cáo có trình độ học vấn thấp. Gia đình bị cáo có công với cách mạng. Về xe mô tô biển kiểm soát 71C2 – 539.04, loại xe Exciter, màu bạc đen là của ông Phạm Hùng T chưa giao cho bị cáo, mà mẹ bị cáo mua để cho bị cáo chạy, mẹ bị cáo không cho bị cáo nên chưa chuyển quyền sở hữu cho bị cáo nên đề nghị trả chiếc xe nêu trên cho mẹ bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, và do có 02 tình tiết giảm nhẹ khoản 1 Điều 51 nên vị đề nghị áp dụng Điều 54 xét xử mức án dưới khung hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo Lê Nguyễn Phúc V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong ngày 15/7/2020, tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo V đã dùng dao cán gỗ, hai đầu có bao lớp kim loại, chu vi nơi rộng nhất của cán dao là 9,7cm, chiều dài cán dao 11cm lưỡi dao bằng kim loại hình bầu dục dài 18,5cm, có cạnh sắc bén, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 4,5cm, mũi dao nhọn ghì vào cổ chị Nguyễn Ngọc T, làm tê liệt sự kháng cự của chị T, cướp số tiền 250.000 đồng và một nhẫn vàng, khối lượng 1,6860 gam trị giá 1.623.056 đồng. Khi lục soát bị cáo đã nảy sinh ý định quan hệ tình dục trái ý muốn của bị hại.

[2] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Nguyễn Phúc V đã phạm các tội các tội “Hiếp dâm” và tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt

được quy định tại khoản 1 Điều 141 và điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc sử dụng dao kềm vào cổ chị T làm mất khả năng kháng cự của chị T để chiếm đoạt được tài sản của chị, ngoài ra bị cáo đã thực hiện được việc giao cấu trái ý muốn với chị T là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do tình dục của con người đặc biệt là người phụ nữ, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người. Xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Hiếp dâm, quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội ở trên cần có hình phạt xử lý nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn nhận tội, đã ăn năn, hối cải nhận thức được lỗi lầm của mình. Gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Bị cáo có ông nội, ông ngoại là liệt sĩ, bà cố là Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo áp dụng Điều 54 về Quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận vì bị cáo đã chuẩn bị sẵn hung khí để cướp tài sản của người khác, bị cáo đã từng ghé mua nước nên bị cáo biết được sự vắng vẻ của quán bị hại, ngoài ra bị cáo đã dùng mọi biện pháp để quan hệ với bị hại mặc dù dương vật bị cáo không cương cứng do ngoài ý muốn bị cáo. Về quan điểm và đề nghị của vị kiểm sát viên có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc T không yêu cầu bị cáo bồi thường do đã thỏa thuận bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Đối với số tiền bồi thường 10.000.000 đồng là tài sản của ông Lê Minh S, ông S không yêu cầu bị cáo trả lại ông S.

[9] Về vật chứng: 01 cây dao cán bằng gỗ, hai đầu có bao lớp kim loại, chu vi nơi rộng nhất của cán dao là 9,7 cm, chiều dài cán dao 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại hình bầu dục dài 18,5 cm, có cạnh sắc bén, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5 cm, mũi dao nhọn; 01 khẩu trang màu xanh; 01 đôi dép màu vàng, đế dép màu đen, quay dép bằng vải; 01 quần nam dài, vải kaki, màu đen, có gắn mặt hình chữ nhật màu trắng, có đính chữ D bằng kim loại, màu trắng, có in dòng chữ “FASHION STYE”; 01 nón bảo hiểm màu trắng – đen, phía sau nón có in dòng chữ “NON SON”; 01 áo thun thể thao màu vàng xanh, size S, phía trước có in dòng chữ “Coca Cola”, lô gô lá cờ Việt Nam, phía sau áo có in dòng chữ “SU MÔ”, “83” và “Bung Tròn”; 01 áo nữ, vải Vôn, màu xanh viền đen bị cắt đứt nham nhở phía trước; 01 áo sơ mi nữ, dài tay, màu trắng xanh bị cắt đứt nơi vạt áo, nơi buộc phía trước là hung khí và tài sản không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe, mang tên Lê Nguyễn Phúc V là của bị cáo nên giao trả cho bị cáo.

Đối với chiếc xe biển số 71C2-539.04 tuy là do ông Phạm Hùng T đứng tên sở hữu nhưng việc mua xe này là mua trả góp cho bị cáo Lê Nguyễn Phúc V, sau khi mua thì V không đóng tiền góp 09 tháng còn lại, ông T đã đóng thay mà bị cáo V chưa trả lại tiền cho ông T nên ông chưa sang tên cho bị cáo, nhưng thực tế xe này thuộc quyền sở hữu của bị cáo và đã giao cho bị cáo sử dụng từ khi mua xe, còn ông T và bị cáo chỉ là quan hệ dân sự nên ông T có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo trả lại 09 tháng tiền góp xe chưa trả cho ông. Xe là phương tiện bị cáo dùng điều khiển đi cướp tài sản nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số 71C2 – 539.04 do Phạm Hùng T đứng tên sở hữu.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Phúc V phạm tội “Hiếp dâm” và tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Phúc V 09 (Chín) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Phúc V 03 (Ba) năm tù về tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Lê Nguyễn Phúc V phải chịu là 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2020.

2. Về tránh nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hoàn trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Phúc V 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe, mang tên Lê Nguyễn Phúc V nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tịch thu tiêu hủy: Một cây dao cán bằng gỗ, hai đầu có bao lớp kim loại, chu vi nơi rộng nhất của cán dao là 9,7 cm, chiều dài cán dao 11 cm, lưỡi dao bằng kim loại hình bầu dục dài 18,5 cm, có cạnh sắc bén, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 4,5 cm, mũi dao nhọn; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 0896703 tên Phạm Hùng T; 01 khẩu trang màu xanh; 01 đôi dép màu vàng, đế dép màu đen, quay dép bằng vải; 01 quần nam dài, vải kaki, màu đen, có gắn mặt hình chữ nhật màu trắng, có đính chữ D bằng kim loại, màu trắng, có in dòng chữ “FASHION STYE”; 01 nón bảo hiểm màu trắng – đen, phía sau nón có in dòng chữ “NON SON”; 01 áo thun thể thao màu vàng xanh, size S, phía trước có in dòng chữ “Coca Cola”, lô gô lá cờ Việt Nam, phía sau áo có in dòng chữ “SU MÔ”, “83” và “Bung Tròn”; 01 áo nữ, vải Von, màu xanh viền đen bị cắt đứt nham nhở phía trước; 01 áo sơ mi nữ, dài tay, màu trắng xanh bị cắt đứt nơi vạt áo, nơi buộc phía trước.

Tịch thu sung quỹ: 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 71C2-539.04 với thông số như sau: 1/ Loại xe hai bánh; 2/ Nhãn hiệu YAMAHA; 3/ Số loại EXCITER; 4/ Dung tích xi lanh 149; 5/ Số máy: G3D4E795658; 6/ Số khung: 1010JY030229. Kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, biển số 71C2 – 539.04 do Phạm Hùng Thắng đứng tên sở hữu.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27 tháng 11 năm 2020).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Buộc bị cáo Lê Nguyễn Phúc V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên